

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BG
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **111/2025/HS-ST**

Ngày 03-06-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG, TỈNH BG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Thân Thị Tuyết Nhung và bà Nguyễn Thị Thuỷ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 06 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh BG và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh BG, Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 05 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố BG theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LVD**, sinh năm 2004; nơi cư trú: BCT, xã NC, huyện SH, tỉnh LC; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 09/12; con ông LVT, sinh năm 1979 và bà LTX, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/03/2025 đến nay hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BG. *(Có mặt)*

- *Bị hại:* Chị TTP, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn PV, xã TM, huyện CH, tỉnh TQ. *(Vắng mặt)*

- *Người làm chứng:*

+ Anh HHQ, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn NB, xã DG, huyện VQ, tỉnh LS. *(Vắng mặt)*

+ Anh NVN, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn DD, xã TT, huyện TT, tỉnh BG. *(Vắng mặt)*

- *Người bào chữa cho bị cáo LVD*: Bà NTT- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh BG. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tháng 10/2024, LVD đến làm công nhân tại xưởng D1 Công ty TNHH LS, địa chỉ: TDPC, phường NH, thành phố BG, tỉnh BG. Dọn thường xuyên để đồ dùng cá nhân tại khu vực tủ để đồ tại tầng 3 xưởng D1. Theo Dọn khai trong một lần đang cất đồ dùng cá nhân thì thấy chị TTP là công nhân Công ty TNHH LS cất đồ dùng vào tủ đồ có số hiệu A021. Dọn quan sát, phát hiện mật khẩu mở tủ của C P là 2367 nên nảy sinh ý định sẽ trộm cắp tài sản của C P để trong tủ.

Khoảng 07 giờ 20 phút ngày 10/02/2025, LVD đi bộ từ nhà trọ ở TDP Giá, phường NH, thành phố BG đến công ty LS mục đích để trộm cắp tài sản trong tủ để đồ của C P. Đến nơi, Dọn quan sát xung quanh không có người nên đi đến vị trí chiếc tủ số A021 dùng tay trái ấn mật khẩu 2367 rồi mở cánh tủ ra thì thấy bên trong tủ có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng gold (loại dung lượng 128 GB, gắn sim số 0354.XX.410, được C P cài đặt mật khẩu màn hình số 9875X). Dọn dùng tay trái cầm chiếc điện thoại cất giấu vào túi quần đang mặc rồi đi bộ về nhà trọ. Dọn thử ấn các mật khẩu để mở màn hình điện thoại nhưng không đúng mật khẩu nên tắt nguồn, tháo sim rồi cất giấu điện thoại vào trong ba lô.

Khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, chị TTP sau khi tan ca đi ra mở tủ đồ thì phát hiện bị trộm cắp chiếc điện thoại di động nên báo cho lực lượng an ninh công ty và kiểm tra dữ liệu camera an ninh thì thấy LVD đã mở tủ để đồ và trộm cắp chiếc điện thoại. Khoảng 18 giờ cùng ngày, C P nhờ anh HHQ ở cùng khu trọ gọi vào số điện thoại 0325.XX.582 của Dọn yêu cầu trả lại điện thoại cho C P. Thời điểm này, Dọn đang đi xe khách trên đường đi về LC. Sau khi nhận được điện thoại do A Q gọi đến, Dọn xuống xe ở khu vực DT, thị xã VY, tỉnh BG. Dọn đi đến gặp anh NVN là chủ quán nước ở ven đường. Dọn đưa cho A N chiếc điện thoại của C P và nhờ cầm giúp rồi sẽ có người đến lấy đồng thời gửi vị trí quán nước cho A Q biết.

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, C P và A Q đi đến quán nước gặp A N kể lại sự việc, C P mở được mật khẩu màn hình nên được A N giao lại chiếc điện thoại. C P kiểm tra điện thoại phát hiện đã bị mất sim và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Kết luận định giá tài sản số 371/KL-HĐ ngày 06/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố BG kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng gold, đã qua sử dụng trị giá 12.000.000 đồng;

- 01 sim số thuê bao 0354.XX.410 trị giá 35.000 đồng. Tổng cộng: 12.035.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã cho C P kiểm tra cung cấp mật khẩu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max do C P giao nộp. C P cung cấp mật khẩu 987564 thì mở được khoá màn hình, ứng dụng Zalo được đăng ký bằng số điện thoại 0354.XX.410 của C P.

Cơ quan điều tra đã cho Dọn quan sát chiếc điện thoại của C P. Kết quả Dọn xác định là điện thoại mà Dọn đã trộm cắp của C P.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định 01 file video trích xuất từ camera an ninh của công ty TNHH LS.

Kết luận giám định số 450/KL-KTHS ngày 18/3/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BG kết luận:

1. Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video có tên “XX2762767032.mp4”, dung lượng: 41,7MB, thời lượng: 03 phút lưu trữ trong 01 đĩa DVD-R gửi giám định.

2. Trích xuất được 14 hình ảnh có liên quan đến vụ việc có trong file video gửi giám định.

Đối với chiếc sim điện thoại của C P: Theo Dọn khai đã bị rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra trả lại chị TTP chiếc điện thoại đã thu giữ. C P không yêu cầu bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ cho LVD.

Tại cơ quan điều tra, LVD đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 03/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG đã truy tố LVD về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo LVD đã khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu.

Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo LVD từ 08 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Dọn cho Ủy ban nhân dân xã NC, huyện SH, tỉnh LC giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét do bị hại không có yêu cầu.

- Về vật chứng cần xử lý: không có

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa cho bị cáo Dọn tranh luận: Nhất trí với tội danh, điều khoản và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo Dọn. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng lại là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do vậy, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo Dọn ở mức từ 08 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa và không có tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên. Người bào chữa không tranh luận gì thêm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và

người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 20 phút ngày 10/02/2025, Dọn đi đến vị trí chiếc tủ số A021 ẩn mật khẩu 2367 mở tủ để đồ của C P rồi lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng gold (dung lượng 128 GB, gắn sim số 0354.XX.410 trị giá 12.035.000 đồng). Sau khi bị phát hiện, Dọn gửi chiếc điện thoại trộm cắp của C P cho anh NVN là chủ quán nước ở ven đường khu công nghiệp DT nhờ trả lại cho người bị hại.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG, tỉnh BG truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo tuy biết hành vi của mình vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vẫn cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[4.2] Xét về nhân thân thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4.3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị

cáo ra đầu thú; đã chủ động trả lại tài sản cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự với một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sau khi phạm tội bị cáo đã có ý thức gửi trả lại tài sản cho bị hại và ra đầu thú, được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho. Đối chiếu hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thấy bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước và pháp luật, Hội đồng xét xử thấy không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một công dân biết tuân thủ pháp luật. Việc xử phạt bị cáo với mức hình phạt trong khung như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại chiếc điện thoại bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự. Do vậy, HĐXX không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự.

[7] Về vật chứng: Trong vụ án không có vật chứng cần phải xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn án hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Ngoài ra cần áp dụng quy định Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên về quyền kháng cáo.

[10] Do bị cáo Lừa Văn Dọn đang bị tạm giam nhưng được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo nên cần trả tự do cho bị cáo Dọn ngay tại phiên tòa

nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác theo quy định tại khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 328, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Xử phạt bị cáo LVD từ **08 (Tám)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian thử thách từ **01 (Một)** năm **04 (Bốn)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/6/2025).

Giao bị cáo LVD cho Ủy ban nhân dân xã NC, huyện SH, tỉnh LC giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

1.2. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo LVD.

2. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo LVD nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo LVD.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định.

5.Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b, 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND thành phố BG;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS thành phố BG;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- Công an tỉnh BG;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng